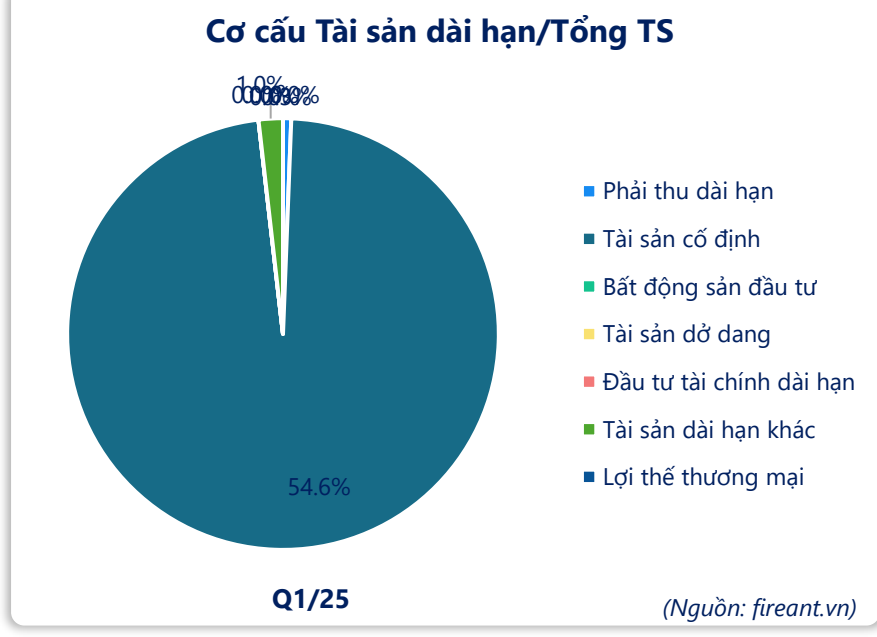
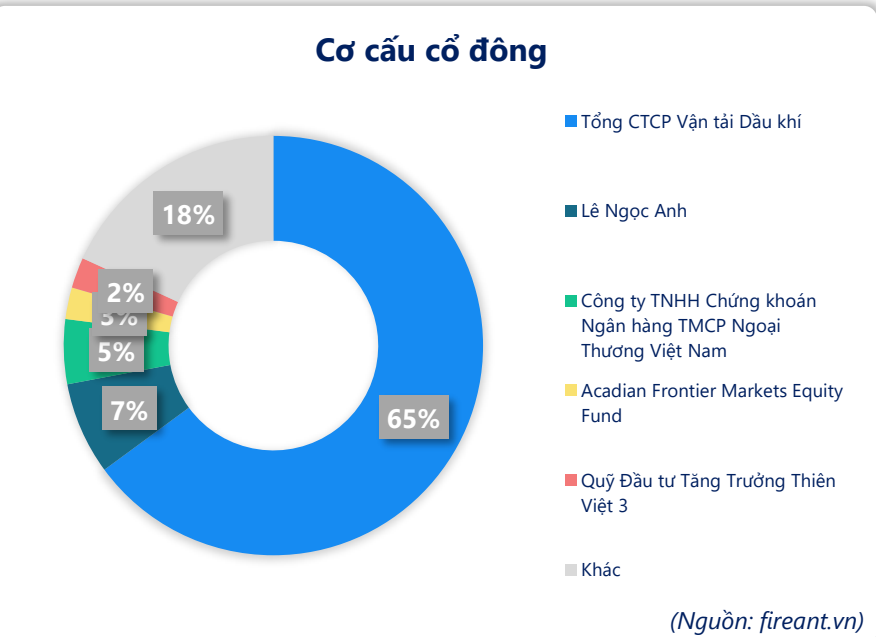
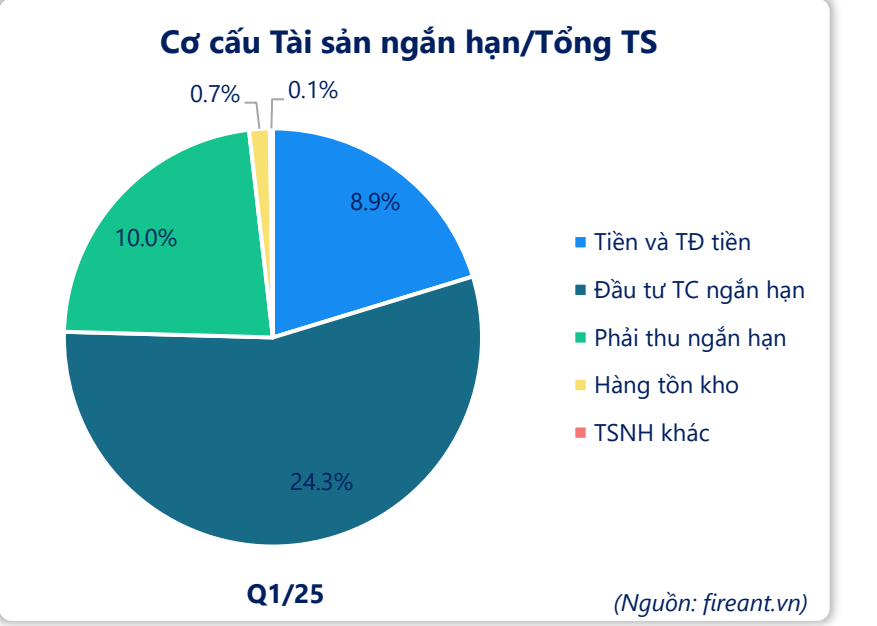
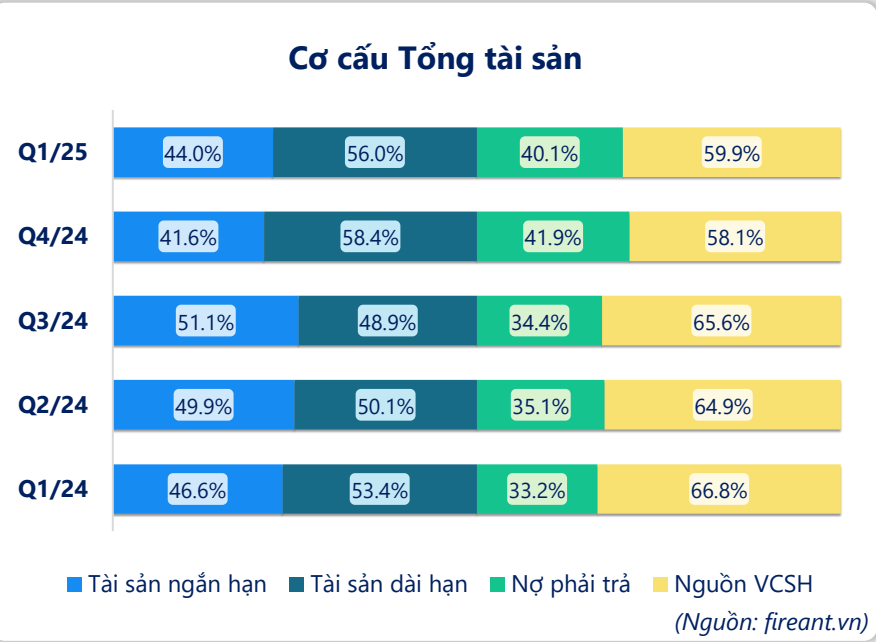
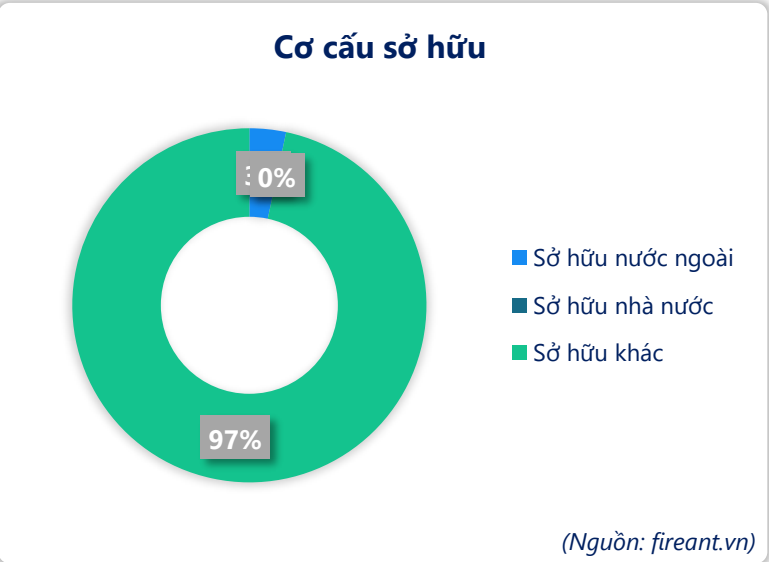
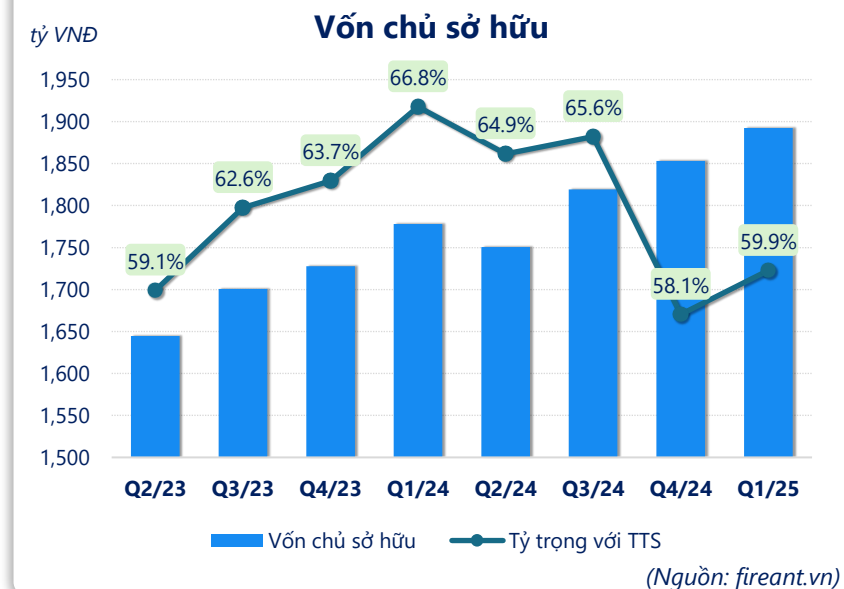
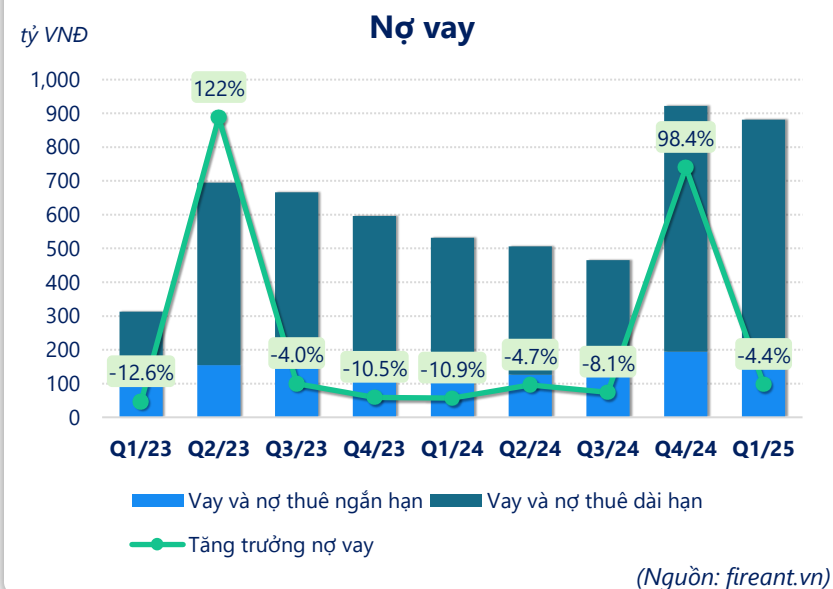
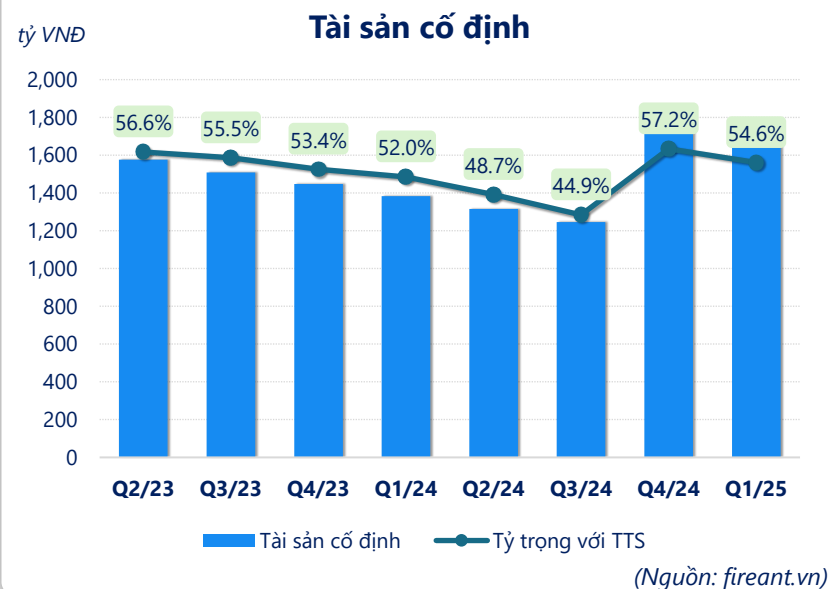
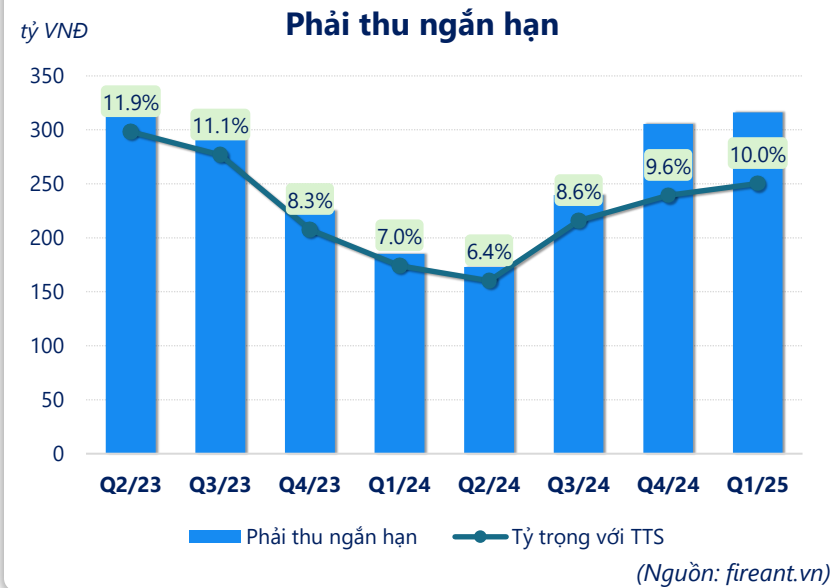
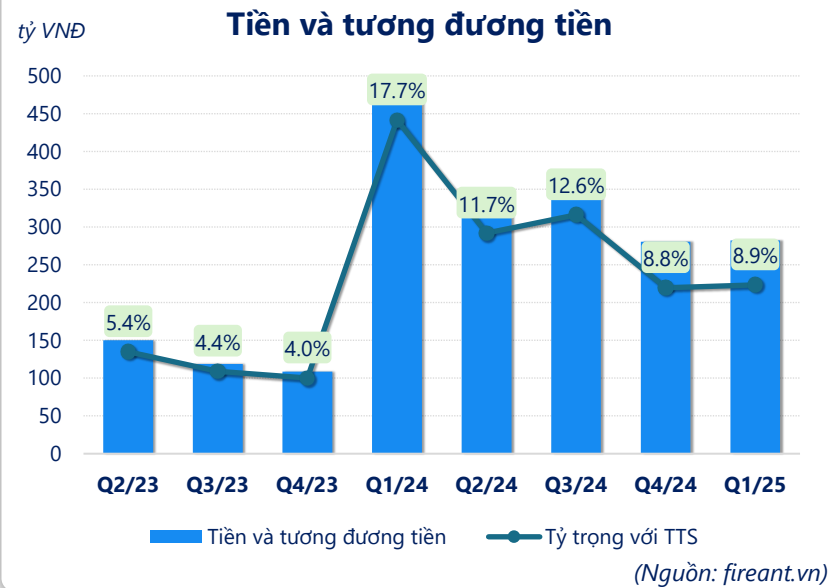
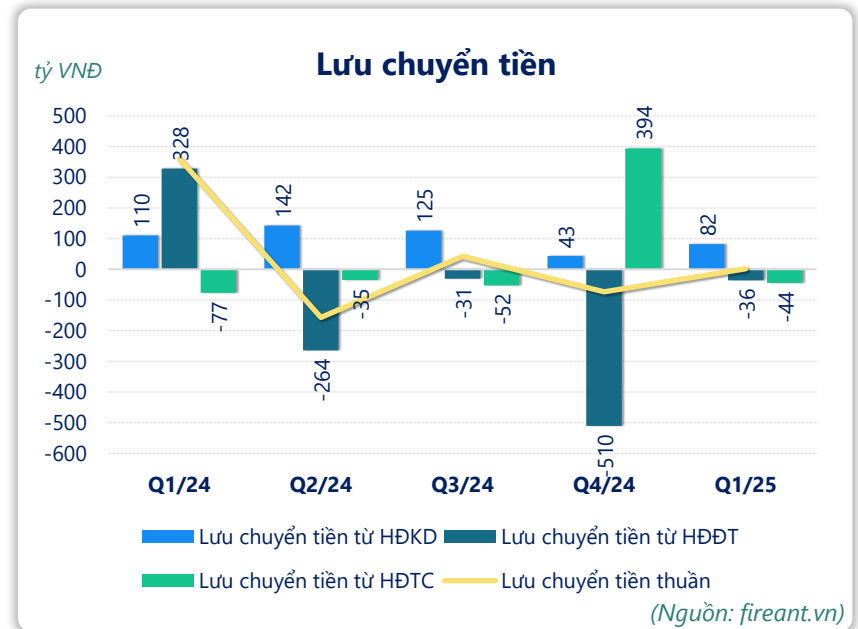
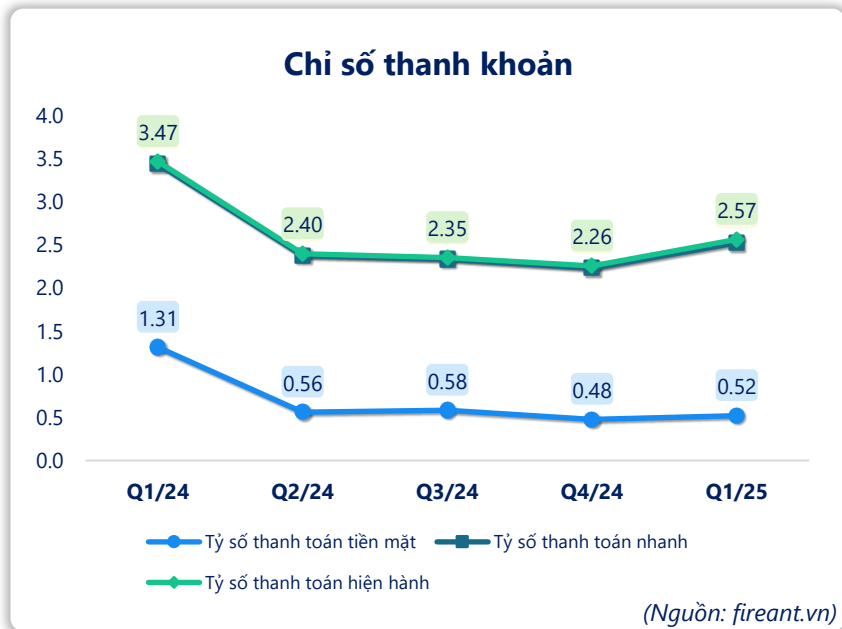
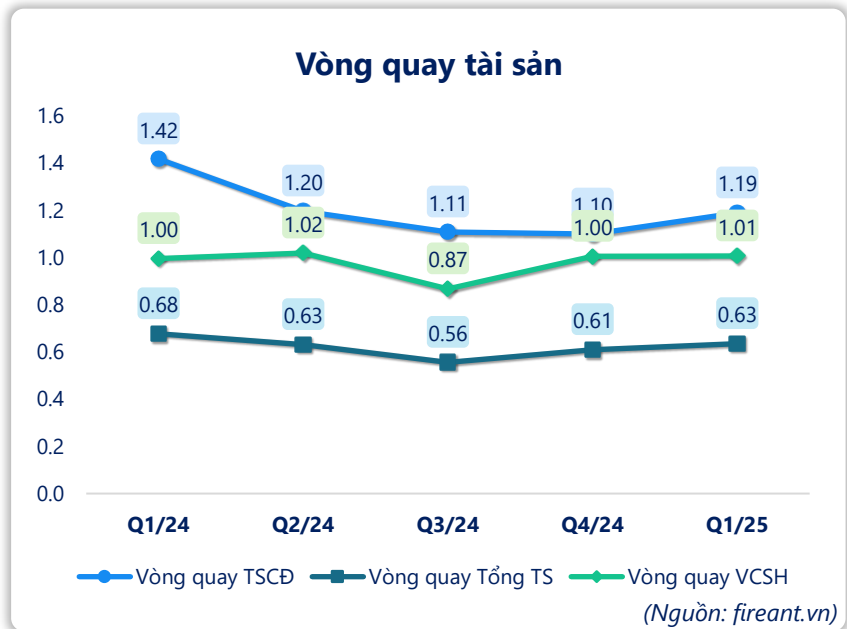
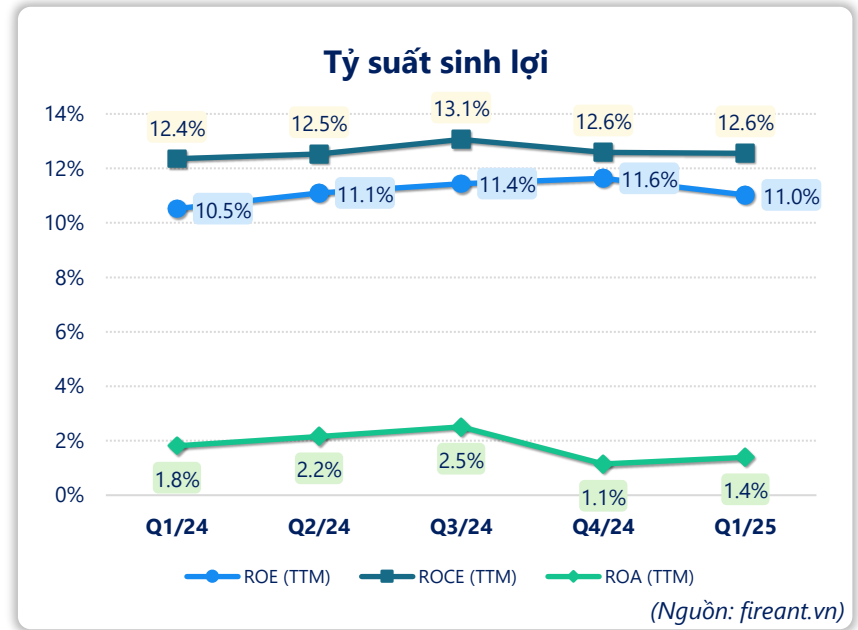
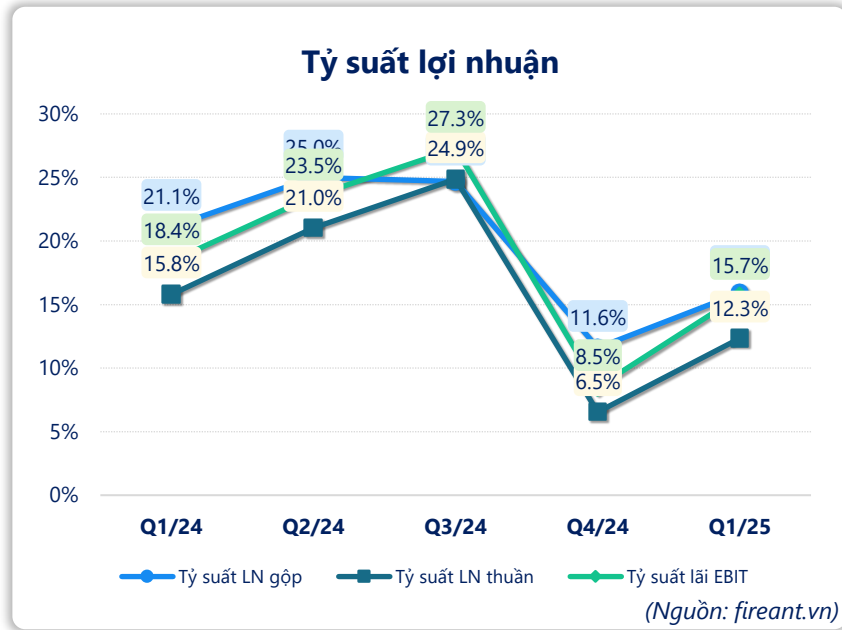
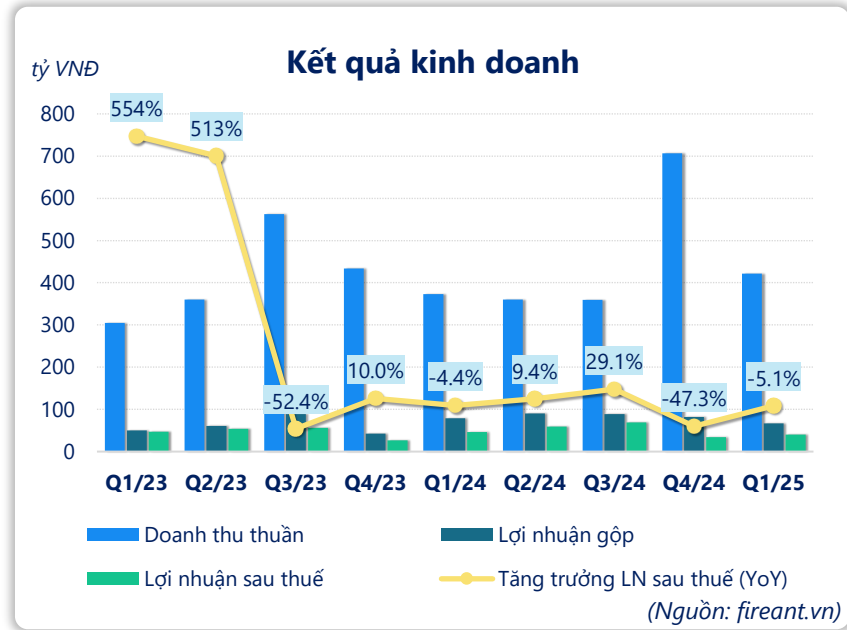


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,097
SL cổ phiếu LH		103,702,452
KLGD BQ 20 phiên (CP)		271,630
% sở hữu nước ngoài		3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,618
P/E		8.0
EPS		1,951

	YTD	1T	3T	6T
PVP	-13.8%	-6.9%	-11.9%	-4.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,159	3,186	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	1,390	1,321	5.2%
Tiền và tương đương tiền	282	281	0.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	767	721	6.4%
Phải thu ngắn hạn	316	300	5.3%
Hàng tồn kho	22.2	16.0	38.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.21	3.87	-17.0%
Tài sản dài hạn	1,768	1,865	-5.2%
Phải thu dài hạn	10.9	10.8	0.5%
Tài sản cố định	1,725	1,823	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	32.1	30.7	4.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,266	1,334	-5.1%
Nợ ngắn hạn	542	583	-7.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	196	194	0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	115	163	-29.2%
Nợ dài hạn	724	751	-3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	686	728	-5.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,892	1,852	2.2%
Vốn chủ sở hữu	1,892	1,852	2.2%
Vốn điều lệ	1,037	1,037	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	373	360	359	707	421
Giá vốn hàng bán	294	270	271	625	354
Lợi nhuận gộp	78.8	90.0	88.6	81.9	67.0
Doanh thu HĐTC	12.9	10.9	21.3	12.8	12.3
Chi phí TC	22.2	17.6	11.2	25.2	17.6
Chi phí lãi vay	9.83	9.17	8.68	13.9	14.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.6	7.59	9.47	23.3	9.79
LN thuần từ HĐKD	59.0	75.7	89.3	46.2	52.0
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.26	-0.09	0.00	-0.01
LN trước thuế	58.9	75.4	89.2	46.2	51.9
Lợi nhuận sau thuế	46.4	59.1	68.9	33.9	40.4
LNST của CĐ cty mẹ	46.4	59.1	68.9	33.9	40.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	110	142	125	43.1	81.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	328	-264	-31.1	-510	-36.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-77.0	-34.7	-52.5	394	-44.3
Tiền đầu kỳ	109	470	315	351	281
Lưu chuyển tiền thuần	361	-157	41.9	-73.0	1.55
Ảnh hưởng tỷ giá	0.65	2.17	-6.21	2.74	0.11
Tiền cuối kỳ	470	315	351	281	282

(Nguồn: fireant.vn)